

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU

**PHƯƠNG ÁN CẢI PHẢN HÓA
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ
TỈNH BẠC LIÊU**



Bạc Liêu, tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CPH.....	6
I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP	6
1. Tên Trung tâm	6
2. Trụ sở chính	6
3. Quyết định thành lập.....	6
4. Tư cách pháp nhân.....	6
5. Chủ sở hữu Trung tâm	6
6. Ngành nghề kinh doanh	7
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	7
III. THỰC TRẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GTDN	9
1. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm xác định GTDN.....	9
1.1. Phân theo cơ cấu tài sản	9
1.2. Phân theo nguồn vốn	10
2. Cơ cấu tổ chức	12
2.1. Sơ đồ tổ chức các bộ phận trong Trung tâm.	12
2.2. Chức năng các phòng ban	13
3. Tình hình lao động.....	13
4. Các tổ chức đoàn thể Trung tâm.....	16
5. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá.....	16
5.1. Tình hình sản xuất kinh doanh qua các năm	16
6. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2017 và đến thời điểm xác định GTDN.....	18
6.1 Thuận lợi.....	18
6.2 Khó khăn.....	19
7. Công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng, năng lực sản xuất	19
7.1. Trình độ công nghệ	19
7.2. Triển vọng phát triển	20
8. Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.....	20

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ	21
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	21
II. MỤC TIÊU CPH	23
III. HÌNH THỨC CPH	25
IV. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP SAU KHI CPH	25
1. Tên Công ty	25
2. Hình thức pháp lý	25
3. Ngành nghề kinh doanh	26
4. GTDN để CPH và các dự án chưa đưa vào CPH	27
5. Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần	29
5.1 Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần	29
5.2 Cơ cấu tổ chức định biên các đơn vị trong doanh nghiệp	30
5.3 Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành	30
V. PHƯƠNG ÁN CPH VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	31
1. Số lượng cổ phần chào bán	31
2. Trình tự chào bán và giá khởi điểm	32
3. Phương án chào bán cổ phần	33
3.1 Cổ phần bán cho Công đoàn Công ty	33
3.2 Cổ phần chào bán cho người lao động trong Công t	33
3.3 Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT	35
4. Tổ chức bán đấu giá	35
4.1 Xử lý cổ phiếu không bán hết	35
4.2 Phương án xử lý	35
5. Các rủi ro dự kiến	36
5.1 Rủi ro về kinh tế	36
5.2 Rủi ro về luật pháp	36
5.3 Rủi ro của đợt chào bán	37
5.4 Rủi ro khác	37
VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG	38
VII. KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DƯỚI DƯ	38

VIII. CHIẾN LƯỢC VÀ PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU CPH.....	39
1. Chiến lược phát triển.....	39
1.1 Chiến lược chung.....	39
1.2 Khách hàng.....	39
1.3 Nguồn nhân lực.....	40
2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 – 2020.....	40
2.1 Kế hoạch Doanh thu giai đoạn 2018 đến 2020.....	40
2.2 Kế hoạch về sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 – 2020	41
2.3 Kế hoạch về đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2018 – 2020	41
3. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chính.....	42
3.1 Giải pháp về tài chính	42
3.2 Những biện pháp kỹ thuật.....	42
3.3 Những biện pháp về quản lý	43
3.4 Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty.....	43
3.5 Tăng cường công tác quản lý và đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động.....	43
4. Phân tích Swot	44
IX. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	46
1. Quản lý tiền thu từ CPH.....	46
1.1 Dự toán chi phí CPH.....	46
X. TỔ CHỨC PHƯƠNG ÁN CPH ĐƯỢC DUYỆT.....	47
1. Tổ chức phương án được duyệt.....	47
1.1 Triển khai các bước bán cổ phần	47
1.2 Triển khai phương án sắp xếp lao động được phê duyệt	48
1.3 Quản lý tiền thu được từ CPH.....	48
1.4 Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập	48
2. Kiến nghị.....	48

CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG PHƯƠNG ÁN CPH

Các khái niệm:

- “**Trung tâm**”: Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu là đơn vị sự nghiệp có thu.
- “**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- “**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
- “**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông.
- “**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- “**Vốn điều lệ**”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Bản điều lệ.
- “**Tổ chức làm phương án và Điều lệ**”: Công ty TNHH Kế toán và Tư Vấn KH.
- “**Tổ chức định giá**”: Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền Nam.

Các từ viết tắt:

CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CPH:	Cổ Phần Hóa
CSH:	Chủ sở hữu
GTDN:	Giá trị doanh nghiệp
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
NĐT:	Nhà đầu tư
UBND:	Ủy ban nhân dân

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA TRƯỚC CPH

I. Giới thiệu về Trung tâm

1. Tên Trung tâm

- Tên tiếng Việt : TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU
- Tên tiếng anh
- Tên viết tắt
- Logo

2. Trụ sở chính

- Địa chỉ: 41 Hai Bà Trưng, Khóm 2, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Điện thoại : 0291 3825721
- Fax : 0291 3957113
- Website

3. Quyết định thành lập:

Thực hiện Quyết định số: 27/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bạc Liêu, về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở nâng cấp từ Trung tâm Dịch vụ vệ sinh và môi trường đô thị thành phố Bạc Liêu.

4. Tư cách pháp nhân:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU là đơn vị sự nghiệp có thu hoạt động dưới pháp nhân hoạt động bằng nguồn kinh phí Nhà nước, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng, tự chủ động trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm.

5. CSH Trung tâm

UBND tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ : Số 5, Nguyễn Tất Thành, Phường 1, Tp.Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Điện thoại : 02913.814031

6. Ngành nghề kinh doanh

Tên Ngành	Mã Ngành
Quét dọn, thu gom vận chuyển và xử lý rác thải, thoát nước công cộng, công viên cây xanh và chiếu sáng công cộng.	
Thực hiện công tác vệ sinh đô thị, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống thoát nước;	
Quản lý, chăm sóc công viên, tiểu đảo, cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng đô thị, tín hiệu đèn giao thông;	
Quản lý chăm sóc các công trình giao thông công cộng khác được giao như: Tượng đài, bia tưởng niệm, bia kỷ niệm sự	

II. Quá trình hình thành và phát triển

1. Quá trình hình thành

Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu là đơn vị sự nghiệp có thu, có tiền thân là Trung tâm Dịch vụ vệ sinh và môi trường đô thị thành phố Bạc Liêu.

Năm 2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2012 “Về việc việc thành lập Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở nâng cấp từ Trung tâm Dịch vụ vệ sinh và môi trường đô thị thành phố Bạc Liêu”. Nhà nước nắm giữ 100% vốn.

2. Quá trình phát triển

Chia theo từng giai đoạn

Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh Bạc Liêu được thành lập theo Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND, ngày 11/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu “Về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh Bạc Liêu thuộc UBND tỉnh trên cơ sở nâng cấp từ Trung tâm Dịch vụ vệ sinh và môi trường đô thị thành phố Bạc Liêu”;

Từ khi thành lập Trung tâm có 183 lao động. **Trong đó:** Lao động gián tiếp: 25 lao động; Lao động trực tiếp: 158 lao động (bộ phận Vệ sinh – Thoát nước 109 người; bộ phận Cây xanh – Công viên: 37 người; bộ phận Điện Công cộng – Trang trí: 12 người). Đến nay, tính đến hết tháng 4 năm 2018 là: 308 lao động (nữ 98), gồm Ban Giám đốc 04 người và 05 phòng chuyên môn (16 biên chế và 292 hợp đồng lao động). **Trong đó:** Lao động gián tiếp: 37 lao động; Lao động trực tiếp: 271 lao động.

* Chức năng nhiệm vụ của đơn vị

Nhiệm vụ:

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác đô thị.
- Thực hiện đầu tư phát triển hệ thống thoát nước đô thị, hệ thống chiếu sáng đô thị.
- Sửa chữa, nạo vét, khai thông cống rãnh.
- Thực hiện đầu tư trồng, chăm sóc cây xanh, hoa kiểng đô thị tại các công viên, đường phố, tiểu đảo, dải phân cách, vỉa hè ...
- Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, vận hành đèn trang trí công viên, tiểu đảo, chiếu sáng đô thị, đèn tín hiệu giao thông.
- Bảo quản, khai thác các công trình công cộng đô thị.
- Thu phí, lệ phí vệ sinh đô thị (*rác, nhà vệ sinh công cộng*) và các dịch vụ đô thị theo quy định của pháp luật.
- Làm mới, duy tu, bảo dưỡng vỉa hè (*phần công cộng*).
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Quyền hạn:

- Được tổ chức thực hiện thi công các dự án công trình phúc lợi công cộng đô thị.
- Được ký kết hợp đồng dịch vụ đô thị với các tổ chức, cá nhân.
- Được đề nghị và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để hướng dẫn, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến các công trình phúc lợi công cộng và môi trường đô thị đúng quy định của pháp luật.
- Được tư vấn, hỗ trợ hoạt động và hướng dẫn nghiệp vụ đối với các Trung tâm Dịch vụ đô thị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện.
- Được ký hợp đồng với người trực tiếp lao động.

III. Thực trạng của Doanh nghiệp tại thời điểm xác định GTDN ngày 31/5/2017

1. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm xác định GTDN

1.1. Phân theo cơ cấu tài sản

DVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
I	Tài sản dài hạn	79.035.917.020
1	Tài sản cố định hữu hình	12.928.100.501
	- Nguyên giá	38.516.930.000
	- Hao mòn	(25.588.829.499)
2	Tài sản cố định vô hình	66.107.816.519
II	Tài sản ngắn hạn	22.968.812.814
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.498.857.527
	- Tiền mặt	2.464.444.589
	- Tiền gửi ngân hàng	34.412.938
	- Các khoản tương đương tiền	-
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	20.469.955.287
	- Phải thu khách hàng	-
	- Các khoản phải thu khác	20.469.955.287
3	Hàng tồn kho	-
	- Hàng tồn kho	-
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-
	- Chi phí trả trước ngắn hạn	-
	- Thuế GTGT được khấu trừ	-
	CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	102.004.729.834

1.2. Phân theo nguồn vốn

DVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
I	Nợ ngắn hạn	59.609.000
1	Phải trả người bán	-
2	Người mua trả tiền trước	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-
4	Phải trả người lao động	59.609.000
5	Chi phí phải trả	-
II	Nguồn kinh phí hoạt động	101.945.120.834
1	Các quỹ	2.070.744.650
2	Nguồn kinh phí hoạt động	40.270.792.843
3	Nguồn KP hình thành TSCĐ	79.035.917.020
6	Chênh lệch kinh phí hoạt động	(19.432.333.679)
	CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	102.004.729.834

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/5/2017 của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU)

1.2.1. Hiện trạng sử dụng đất

Trung tâm đang quản lý và sử dụng những khu đất cụ thể như sau:

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc đất	Năm chuyển QSDĐ	Mục đích Sử dụng đất	Ghi chú
1	Khu văn phòng Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu	41, Hai Bà Trưng, Phường 3, TP Bạc Liêu.	1.465,2	Đất di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà cổ cấp Tỉnh. Do UBND tỉnh Bạc Liêu sở hữu và miễn tiền thuế đất.	2013	Làm văn phòng Trung tâm	Thông báo 02/TB-VP ngày 03/01/2013 của Văn phòng UBND tỉnh Bạc Liêu. Văn bản số 3673/UBND-KT ngày 27/09/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu
2	Trạm bơm nước thải sinh hoạt Ngõ Gia Tự	Giáp Ngõ Gia Tự và Hoàng Văn Phụ, Phường 1, TP. Bạc Liêu.	858,6	UBND tỉnh Bạc Liêu bàn giao.	2007	Làm trạm bơm	Quyết định 365/QĐ-CT ngày 12/12/2015
3	Trạm bơm nước thải sinh hoạt Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp Kênh hờ, Phường 2, TP. Bạc Liêu.	1.739,5	UBND tỉnh Bạc Liêu bàn giao.	2007	Làm trạm bơm	Quyết định 175/QĐ-CT ngày 10/05/2004
4	Trạm bơm nước thải sinh hoạt Trần Huỳnh	Giáp Trần Huỳnh và sông Bạc Liêu	2.301	UBND tỉnh Bạc Liêu bàn giao.	2007	Làm trạm bơm	Quyết định 195/QĐ-CT ngày 17/06/2004

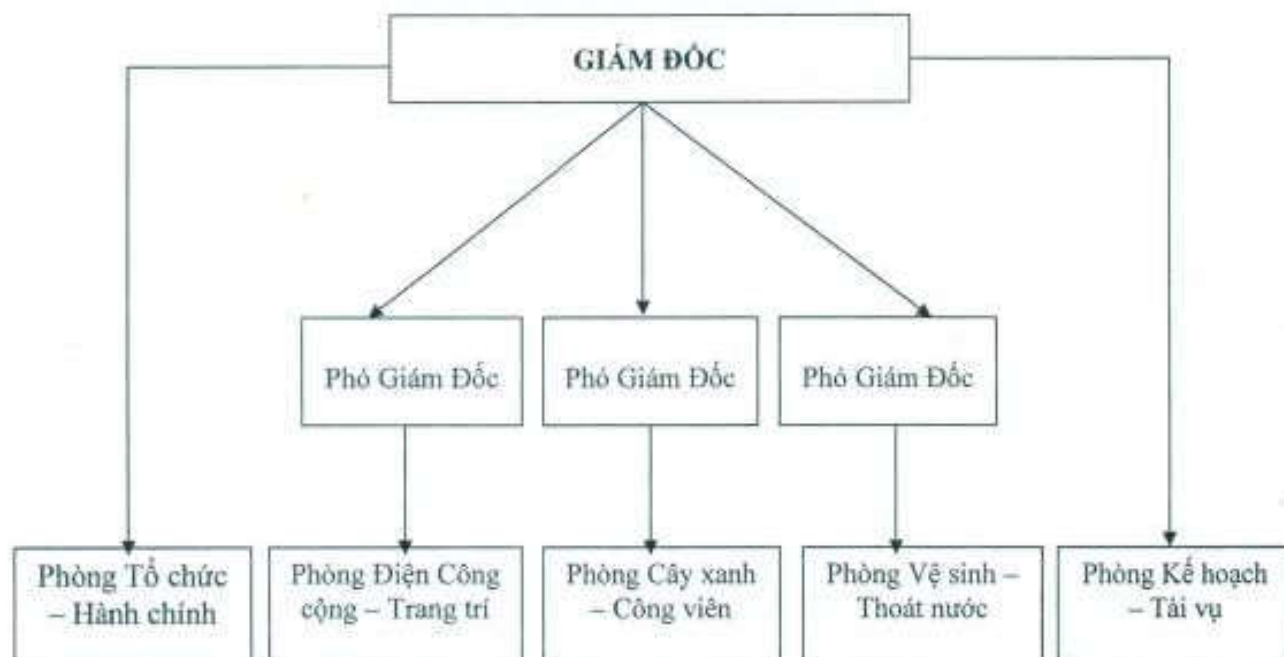
5	Trạm bơm nước thải sinh hoạt Bến xe Bạc Liêu	Khóm 2, phường 8, TP.Bạc Liêu	1.088,7	UBND tỉnh Bạc Liêu bản giao.	2007	Làm trạm bơm	Hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng dự án
6	Bãi chôn lấp rác cũ và Khu giữ xe chuyên dùng	Giáp Trần Huỳnh và Khu địa ốc, Phường 1, TP.Bạc Liêu	6.533,7	Trà tiền thuê đất hằng năm. Thời hạn sử dụng đất 50 năm.	2014	Kho	Giấy chứng nhận QSDĐ số 00008 QSDĐ/529/QĐ-UBND ngày 11/07/2001.
7	Bãi chôn lấp rác mới	Ấp Tấn Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi	110.142,2	UBND tỉnh Bạc Liêu bản giao.	2008	Làm bãi chôn	Giấy chứng nhận QSDĐ số T01875 ngày 13/08/2007. Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 13/01/2014.

nguồn: TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU.

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Sơ đồ tổ chức các bộ phận trong Trung tâm.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU



2.2. Chức năng các phòng ban

- Ban Lãnh đạo Trung tâm bao gồm: 01 Giám đốc và 03 phó Giám đốc.

+ Giám đốc: là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Trung tâm, phụ trách chung về chuyên sâu một số lĩnh vực, chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về sự điều hành của mình.

+ Các phó Giám đốc (03 Phó Giám đốc): Là người giúp Giám đốc điều hành trên các lĩnh vực như: Vệ sinh - Thoát nước; cây xanh - Công viên; Điện công cộng - Trang trí, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

+ Các phòng chuyên môn gồm có 5 phòng:

Thứ nhất: Phòng Tổ chức - Hành chính: Tham mưu cho Giám đốc Trung tâm quản lý, điều hành công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, hành chính, quản trị, an toàn lao động, công tác bảo vệ của Trung tâm.

Thứ hai: Phòng Kế hoạch - Tài vụ: Tổ chức thực hiện công tác kế toán của Trung tâm theo quy định hiện hành; tham mưu cho Giám đốc giám sát tài chính của Trung

tâm theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Thứ ba: Phòng Vệ sinh – Thoát nước: tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác vệ sinh, thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố Bạc Liêu.

Thứ tư: Phòng Cây xanh Công viên: Tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Bạc Liêu.

Thứ năm: Phòng Điện Công cộng – Trang trí: Tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác chiếu sáng công cộng, trên địa bàn thành phố Bạc Liêu.

3. Tình hình lao động

Vào thời điểm phê duyệt GTDN ngày 31/05/2017, tổng số lao động tại TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU là: 308 người, phân loại như sau:

a) Phân loại lao động theo trình độ

Số liệu lấy từ ngày 31/05/2017: 308 người

STT	Trình độ	Tổng số người			Tỷ lệ (%)
		Nam	Nữ	Tổng	
1	Trên đại học	-	-	-	-
2	Đại học và tương đương	23	13	36	11.69
3	Cao đẳng và tương đương	5	1	6	1.95
4	Trung cấp và tương đương	19	3	22	7.14
5	Công nhân kỹ thuật	-	-	-	-
6	Lao động phổ thông +	163	81	244	79.22
	Tổng cộng	210	98	308	100.00

Nguồn : TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU.

b) Thực trạng lao động tại doanh nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Lao động là tuyển dụng theo biên chế Nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký HĐLĐ	16	-
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ		-
	<i>a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i>	270	-
	<i>b) Lao động làm việc theo HĐLĐ có thời hạn 01 năm</i>	20	-
	<i>c) Lao động làm việc theo Hợp đồng thử việc, khoán</i>	2	-
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Trung tâm	-	-
I	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố GTDN	-	-
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	-	-
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ	-	-
	<i>a) Hết hạn HĐLĐ</i>	-	-
	<i>b) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ</i>	-	-
	<i>c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật</i>	-	-
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố GTDN cơ phần hoá, chia ra:	-	-
	<i>a) Số lao động thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP</i>	-	-
	<i>b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm</i>	-	-
	<i>c) Nghị theo nghị định 108/2014/NĐ-CP</i>	-	-
III	Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại Trung tâm cơ phần	292	-

1	Số lao động mà HDLĐ còn thời hạn	292	-
STT	Nội dung	Tổng số	ghi chú
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	5	-
	a) Ốm đau	-	-
	b) Thai sản	4	-
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	1	-
3	Số lao động đang tạm hoãn HDLĐ, chia ra:	-	-
	a) Nghĩa vụ quân sự	-	-
	b) Nghĩa vụ công dân khác	-	-
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	-	-
	d) Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)	-	-

Nguồn : TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU.

c) Phân loại theo chức năng phòng ban

STT	Phòng ban	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Công chức - Viên chức quản lý	12	3.90
2	Phòng TC - HC	13	4.22
3	Công nhân bảo trì	04	1.30
4	Phòng điện CC-TT	16	5.19
5	Phòng Kế toán – Tài vụ	12	3.90
6	Phòng CX-CV	84	27.27
7	Phòng VS-TN	121	39.29
8	Thoát nước	13	4.22
9	Đội xe	15	4.87
10	Cầu thùng	14	4.55
11	Xử lý rác	04	1.30

Nguồn : TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU.

4. Các tổ chức đoàn thể Trung tâm

- Tổ chức Đảng: Chi bộ Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Bạc Liêu. Hiện có: 34 Đảng viên.
- Công đoàn cơ sở Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu trực thuộc Liên đoàn lao động tỉnh Bạc Liêu. Hiện có 305 Đoàn viên Công đoàn.
- Chi Đoàn thanh niên CS HCM Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu trực thuộc Đoàn Khối cơ quan tỉnh Bạc Liêu. Hiện có 74 Đoàn viên thanh niên.

5. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá

5.1. Tình hình sản xuất kinh doanh qua các năm

Chi tiết sản lượng tiêu thụ và doanh thu qua các năm như sau:

✚ Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận toàn Trung tâm qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I/ Thực hiện theo định mức	45.096.858.470	48.861.638.982	63.339.864.944
II/ Tổng thu trong kỳ	27.338.803.298	34.754.382.290	46.888.829.500
Nguồn thu từ hoạt động đặt hàng thành phố	9.000.000.000	9.040.000.000	9.000.000.000
Nguồn thu từ hoạt động đặt hàng tỉnh (tạm ứng)	13.000.000.000	20.893.000.000	31.331.000.000
Nguồn thu phí lệ phí và hoạt động dịch vụ	5.338.803.298	4.821.382.290	6.557.829.500
III/ Tổng chi trong kỳ	22.620.163.786	26.054.248.416	29.048.993.682
Chi phí nhân công trực tiếp	10.004.515.292	12.960.433.918	15.093.097.204
Chi phí thường xuyên cho 4 nhiệm vụ	12.615.648.494	13.093.814.498	13.955.896.478
IV/ Trích lập quỹ tạm tính (IV=II-III)	4.718.639.512	8.700.133.874	17.839.835.818
Quỹ ổn định thu nhập(40%)	1.887.455.805	3.480.053.550	7.135.934.327
Quỹ khen thưởng (20%)	943.727.902	1.740.026.775	3.567.967.164
Quỹ phúc lợi (15%)	707.795.927	1.305.020.081	2.675.975.373
Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp(25%)	1.179.659.878	2.175.033.469	4.459.958.955

(Theo báo cáo tài chính các năm của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU)

✚ Các chỉ số tài chính cơ bản

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng tài sản	77.020.741.754	68.409.235.052	96.818.786.029
2	Vốn CSH	77.020.741.754	68.409.235.052	96.818.786.029
3	Doanh thu thuần	45.096.858.470	48.861.638.982	63.339.864.944
4	Chênh lệch thu - chi hoạt động	4.718.639.512	8.700.133.874	17.839.835.818

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2014, 2015, 2016 đã qua kiểm toán của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU)

✚ Các chỉ số tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,35	0,51	0,48
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Chênh lệch thu chi/ tổng thu	%	17%	25%	38%
Chênh lệch thu chi/ nguồn vốn	%	6%	13%	18%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2014, 2015, 2016 của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU)

6. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh các năm và đến thời điểm xác định GTDN – 31/5/2017

6.1 Thuận lợi

****Bên trong:***

Tập thể CBCNV Trung tâm luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác chuyên môn, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm qua.

Nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ chuyên ngành, các sản phẩm hoạt động công ích ngày càng được nâng cao, cải thiện, máy móc thiết bị được đầu tư sửa chữa nâng cấp thường xuyên để giải quyết tốt vấn đề phát sinh. Ứng dụng khoa học công nghệ thiết bị Kỹ thuật đầu tư để nâng cao hiệu quả sản xuất và hiệu quả quản lý doanh nghiệp.

Hệ thống các qui chế, quy định, quy trình quản lý đã ban hành là cơ sở pháp lý để thực hiện đúng yêu cầu quản lý theo qui định của pháp luật, phù hợp với tình hình của Trung tâm, đem lại hiệu quả trong quản lý doanh nghiệp.

Việc phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa sẽ ảnh hưởng nhiều tới môi trường thiên nhiên và những tác động ngược của môi trường thiên nhiên đến cuộc sống của con người sẽ rất lớn và nghiêm trọng hơn nếu chúng ta không có kế hoạch phát triển và quan tâm đúng mức đến môi trường sống. Sau một thời gian dài tập trung phát triển kinh tế ít quan tâm đến môi trường, thì hiện nay chúng ta ngày càng chú trọng đến môi trường sống, khai thác, sử dụng cùng với phát triển bền vững các nguồn tài nguyên môi trường. Tỉnh khuyến khích và đầu tư phát triển các công việc, ngành nghề liên quan đến nhu cầu của người dân và bảo vệ môi trường thiên nhiên phù hợp với năng lực kinh tế của tỉnh nhà. Việc phát triển và duy trì các công việc liên quan đến môi trường và duy trì hoạt động các công trình công cộng sẽ giữ một vai trò quan trọng trong quá trình duy trì và phát triển nền kinh tế của Bạc Liêu nói riêng, của Việt Nam nói chung.

****Bên ngoài:***

Quy hoạch phát triển đô thị tại Bạc Liêu trong thời gian qua có nhiều thay đổi, đặc biệt sẽ thay đổi nhanh chóng trong thời gian tới, nhiều khu đô thị, khu công nghiệp tại thành phố đã và đang được thành lập sẽ làm tăng nhanh chóng dân số đô thị, kéo theo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ tăng.

Các cơ quan, ban ngành được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành của tỉnh và chính quyền các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Trung tâm.

Đã tranh thủ sự ủng hộ của các ngành trung ương tìm kiếm được nhiều nguồn vốn đầu tư để đầu tư xây dựng nâng cấp các nhà máy cấp nước ở các đô thị.

6.2 Khó khăn

**Bên trong:*

Cơ sở vật chất kỹ thuật còn hạn chế, công nghệ lạc hậu, Trung tâm đang từng bước đầu tư để nâng công suất máy móc thiết bị cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật khác.

**Bên ngoài:*

Sự gia tăng giá cả vật tư nguyên vật liệu, hóa chất, đặc biệt là giá điện ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng chính trang đô thị, mở rộng lộ giới, nhưng nguồn vốn ngân sách thì có hạn.

Nguồn nhân lực còn thiếu và năng lực quản lý còn hạn chế ở một số bộ phận quản lý.

7. Công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng, năng lực sản xuất

7.1. Trình độ công nghệ

TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU được thành lập hoạt động gần 8 năm qua, cùng với việc phát triển kinh tế, và tốc độ phát triển đô thị của địa phương, Trung tâm đã đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách địa phương để nhằm đáp ứng nhu cầu về các dịch vụ công ích cho nhân dân khu vực nội ô, ngoại vi thành phố Bạc Liêu và các thị trấn trong toàn tỉnh.

Trung tâm không ngừng đầu tư phát triển máy móc thiết bị và cả về công suất cũng như phạm vi hoạt động, nâng cao năng lực quản lý...để góp phần làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm.

Ban giám đốc TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU, luôn quan tâm công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ cũng được chú trọng đầu tư phát triển trong những năm gần đây. Trung tâm đã triển khai những đề tài cải tiến công nghệ, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, để nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả trong kinh doanh.

7.2. Triển vọng phát triển

Xét trên bình diện toàn tỉnh thì TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU là Doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ làm cho bộ mặt thành phố ngày càng sạch sẽ, khang trang và xinh đẹp hơn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên chất lượng dịch vụ luôn được đặt lên hàng đầu. Ban giám đốc Trung tâm luôn quan tâm chỉ đạo có hiệu quả. Vì thế chất lượng các hoạt động công ích của Trung tâm ngày càng được nâng cao nên Trung tâm ngày càng được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Trung tâm có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần tự hạch toán thu chi, lãi, lỗ.

8. Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU

Theo Công văn 09/BCĐ-CV ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu về việc yêu cầu không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị đơn vị và Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi chuyển đổi Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh Bạc Liêu thành Công ty Cổ phần. Trong đó phần tài sản không đưa vào cổ phần hóa là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất công.

1. Giá trị thực tế của Trung tâm:	37.452.692.990	đồng
2. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại trung tâm:	35.763.723.378	đồng
3. Tài sản không đưa vào CPH:	68.458.853.831	đồng

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP, ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC, ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Nghị định 116/2015/NĐ-CP, ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Nghị định 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 25/10/ 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội “Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ”;
- Căn cứ Công văn số 1357/TTg-ĐMDN ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu chuyển thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Thông tư số 13/LB-TT, ngày 18/08/1994 của Liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ V/v hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở trong bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê.



- Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Căn cứ Thông tư 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách Nhà nước.
- Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 13/04/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu, về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.
- Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UB ngày 11 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ Đô thị tỉnh Bạc Liêu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở nập cấp từ Trung tâm Dịch vụ vệ sinh và môi trường đô thị thành phố Bạc Liêu.
- Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 16/03/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu, về việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty Cổ phần giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Bạc Liêu.
- Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt báo cáo tài chính tại thời điểm 31/05/2017 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.
- Căn cứ Công văn số 3760/UBND-TH ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc chấp thuận thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.
- Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 25/04/2017 của trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu.
- Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 22/03/2018 của Ủy ban nhân dân về việc công bố giá trị của Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh Bạc Liêu để thực hiện cổ phần hóa.
- Căn cứ Công văn số 09/BCĐ-CV ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Trưởng Ban chỉ đạo CPH về việc đề xuất giá tư vấn xác định giá trị đơn vị để thực hiện chuyển đổi Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Công văn số 1344/UBND-TH ngày 10/04/2018 của Ủy ban nhân dân về việc thống nhất chọn đơn vị tư vấn xây dựng Phương án chuyển đổi Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh Bạc Liêu thành Công ty Cổ phần.

- Căn cứ Công văn số 10/BCĐ-CV ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Trưởng Ban chỉ đạo CPH về việc thương thảo ký hợp đồng thuê tư vấn xác định giá trị đơn vị của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu để thực hiện chuyển đổi Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu thành công ty cổ phần.
- Căn cứ vào Phương án số 61/PASDTS-TTĐV ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu về việc lập phương án sử dụng tài sản khi xác định giá trị đơn vị tại thời điểm 31/05/2017.
- Căn cứ vào Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi chuyển đổi Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh Bạc Liêu thành Công ty Cổ phần.
- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ tư vấn thẩm định giá số 0022/HĐDV-PN-DN, ngày 18/10/2017 giữa Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá miền Nam và Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu.
- Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.
- Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.
- Căn cứ Báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.
- Căn cứ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/05/2017 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Bạc Liêu đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và giải pháp công nghệ thông tin Đại Nam.
- Căn cứ Danh mục tài sản cố định tại và công cụ dụng cụ thời điểm 31/05/2017 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu.
- Quyết định số 657/QĐ-SIVC, ngày 15/09/2017 của Tổng Giám đốc SIVC về việc thành lập Tổ thẩm định giá và cử Thẩm định viên.
- Căn cứ các văn bản hiện hành khác và các tài liệu kế toán liên quan khác.

II. Mục tiêu CPH

Mục tiêu của việc chuyển Trung tâm dưới hình thức là đơn vị sự nghiệp có thu với kinh phí hoạt động 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU được nêu trong Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Chuyển hình thức sở hữu nhà nước (*Đơn vị sự nghiệp công lập*) thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong đơn vị, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.

Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Tạo điều kiện cho Trung tâm chủ động, linh hoạt trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động trong quyết định đầu tư; chủ động khâu phân phối sản phẩm theo cơ chế thị trường; chủ động trong việc thực hiện chiến lược phát triển.

Nâng cao khả năng cạnh tranh, xã hội hóa các hoạt động của ngành cấp thoát nước tại tỉnh Bạc Liêu; tạo thêm và phát triển bền vững ngành công nghiệp của tỉnh;

Tạo điều kiện mở rộng hợp tác với các đối tác, có kinh nghiệm về Ngành, kinh nghiệm về thị trường, tiềm lực về tài chính, quản lý doanh nghiệp...

III. Hình thức CPH

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế Trung tâm Dịch vụ chọn hình thức cổ phần hóa theo Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Về việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần" là "Bán cổ phần lần đầu: Bán đấu giá công khai, bảo lãnh phát hành và thỏa thuận trực tiếp".

IV. Tình hình doanh nghiệp sau khi CPH

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẠC LIÊU

Tên tiếng Anh : BAC LIEU URBAN PROJECT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt

Logo

Trụ sở : Số 41, Hai Bà Trưng, Khóm 2, Phường 3, TP.Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại : 0291 3825721

Fax : 0291 3957113

Website

Email : ctdtbl@gmail.com



Hình thức pháp lý

Sau khi CPH, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sau cổ phần hóa, Công ty dự kiến kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bạc Liêu, bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh <i>Chi tiết:</i> Trồng hoa, cây cảnh	0118
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Thu gom rác thải không độc hại	3811
4	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
5	Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác	3900
6	Xây dựng công trình công ích	4220
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác <i>Chi tiết:</i> - Hệ thống chiếu sáng công cộng; - Đèn tín hiệu giao thông; - Đèn trang trí; - Công viên, vườn hoa;	4390
9	Buôn bán lâm, nông sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết:</i> Buôn bán hoa và cây	4620
10	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
11	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

4. GTDN để CPH và các dự án chưa đưa vào CPH

4.1 Kết quả xác định GTDN

Căn cứ trên báo cáo kết quả xác định GTDN để CPH tại thời điểm 0 giờ ngày

31/05/2017 của tổ chức tư vấn xác định GTDN, GTDN của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu thẩm định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	33.545.876.003	37.452.692.990	3.906.816.987
I. Tài sản dài hạn	10.577.063.189	14.278.317.565	3.701.254.376
<i>1. Tài sản cố định</i>	<i>10.577.063.189</i>	<i>14.278.317.565</i>	<i>3.701.254.376</i>
a. TSCĐ hữu hình	10.577.063.189	14.278.317.565	3.701.254.376
- Nhà cửa vật kiến trúc	714.534.275	824.063.896	109.529.621
- Máy móc thiết bị; Phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị, dụng cụ quản lý.	9.862.528.914	13.454.253.670	3.591.724.756
b. Tài sản vô hình không là quyền sử dụng đất	-	-	-
<i>2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	22.968.812.814	23.174.375.425	205.562.611
<i>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>2.498.857.527</i>	<i>2.498.857.938</i>	<i>411</i>
- Tiền	2.498.857.527	2.498.857.938	411
+ Tiền mặt	2.464.444.589	2.464.445.000	411
+ Tiền gửi ngân hàng	34.412.938	34.412.938	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-	-
<i>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-
<i>3. Các khoản phải thu</i>	<i>20.469.955.287</i>	<i>20.469.955.287</i>	<i>-</i>
- Phải thu khách hàng	-	-	-
- Trả trước cho người bán	20.469.955.287	20.469.955.287	-

- Các khoản phải thu khác	-	-	-
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	-	-	-
- Hàng tồn kho	-	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	205.562.200	205.562.200
- Chi phí trả trước ngắn hạn	-	205.562.200	205.562.200
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của đơn vị	-	-	-
IV. Giá trị Quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẢN DỪNG	68.458.853.831	68.458.853.831	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA ĐV(A+B+C+D)	102.004.729.834	105.911.546.821	3.906.816.987
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA ĐV(A)	33.545.876.003	37.452.692.990	3.906.816.987
E1. Nợ thực tế phải trả	1.688.969.612	1.688.969.612	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ [A-(E1+E2)]	31.856.906.391	35.763.723.378	3.906.816.987

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc công bố giá trị của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU để thực hiện cổ phần hóa:

1. Giá trị thực tế của Trung tâm: **37.452.692.990 đồng**
2. Giá trị thực tế phần vốn NN tại doanh nghiệp: **35.763.723.378 đồng**
3. Tài sản không đưa vào giá trị để cổ phần hóa: **68.458.853.831 đồng**

Trong đó phần tài sản không đưa vào cổ phần hóa là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất công. Theo Công văn 09/BCĐ-CV ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu về việc yêu cầu không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị đơn vị và Quyết định số

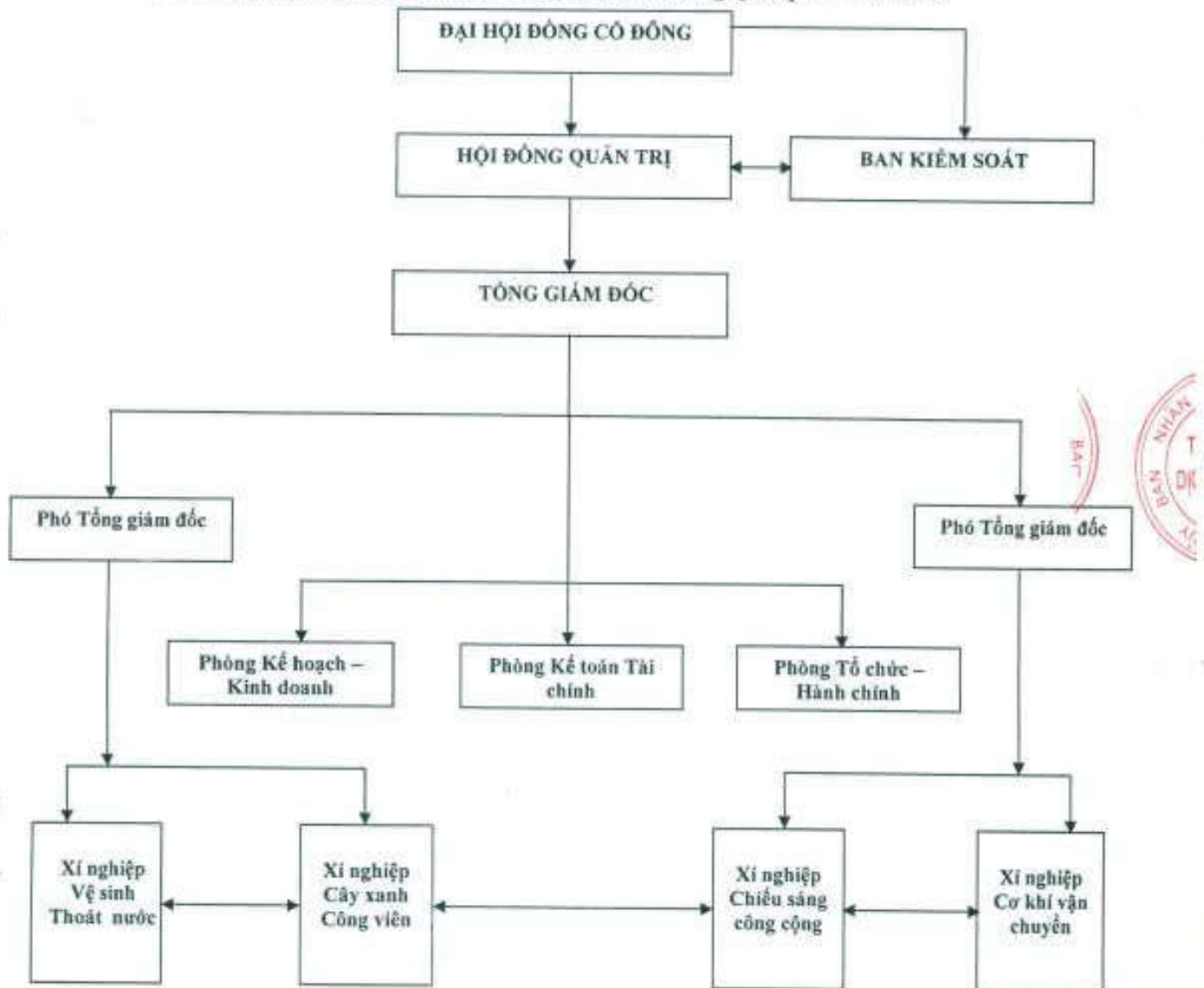
222/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi chuyển đổi Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh Bạc Liêu thành Công ty Cổ phần.

4.2 Các công trình chưa đưa vào xác định GTDN để CPH

Tại thời điểm thực hiện xác định GTDN, Trung tâm chưa có các dự án đang đầu tư xây dựng dở dang công trình mở rộng.

5. Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần

5.1 Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần như sau:



5.2 Cơ cấu tổ chức định biên các đơn vị trong doanh nghiệp

STT	Phòng ban	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Hội đồng quản trị	05	1.58
2	Ban kiểm soát	03	0.95
3	Ban Giám đốc	04	1.27
4	Phòng Tổ chức – Hành chính	08	2.53
5	Phòng Kế toán tài chính	05	1.58
6	Phòng Kế hoạch – Kinh doanh	15	4.75
7	Xí nghiệp Vệ sinh Thoát nước	139	43.99
8	Xí nghiệp Chiếu sáng	16	5.06
9	Xí nghiệp Cây xanh – Công viên	75	23.73
10	Xí nghiệp Cơ khí – vận chuyển	46	14.56
	TỔNG CỘNG	316	100

5.3 Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền Quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Được các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra làm Chủ tịch có chức năng, quyền hạn theo quy định của Luật hiện hành và Điều lệ tại công ty cổ phần.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo quy định Luật doanh nghiệp số 68/2015/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Giám đốc điều hành

Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

V. Phương án CPH và Cơ cấu vốn điều lệ

1. Số lượng cổ phần chào bán

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc công bố giá trị của TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU để thực hiện cổ phần hóa và vào tình hình thực tế tại Trung tâm về việc tiếp nhận các dự án đầu tư từ bên ngoài vốn điều lệ dự kiến là: 35.763.723.378 đồng (lâm tròn: 35.700.000.000 đồng).

Trong đó:

- | | |
|---|----------------------|
| + Giá trị phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp đến thời điểm 0 giờ ngày 31/05/2017: | 35.700.000.000 đồng |
| + Giá trị vốn các dự án đầu tư: | - đồng |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phần. |
| Số cổ phần dự kiến phát hành: | 3.570.000 cổ phần. |

Trong đó:

- + Cổ phần Nhà nước nắm giữ: 1.820.700 cổ phần, tương ứng 51% vốn điều lệ.

- + Cổ phần chào bán: 1.749.300 cổ phần, tương ứng 49% vốn điều lệ. Cụ thể số lượng cổ phần chào bán như sau:

Cơ cấu sở hữu vốn dự kiến trong công ty cổ phần như sau:

STT	Đối tượng chào bán	SL CP (cổ phần)	Tỷ lệ cổ phần/Vốn điều lệ
I	Nhà nước nắm giữ	1.820.700	51%
II	Cổ phần chào bán	1.749.300	49%
1	Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT	1.337.600	37.47%
2	Chào bán cho NĐT Chiến lược		
3	Chào bán cho người lao động trong công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực	221.100	6.19%
4	Chào bán cho người lao động trong công ty theo dạng đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại	190.600	5.34%
5	Chào bán cho công đoàn công công ty		
Cộng		3.570.000	100%

2. Trình tự chào bán và giá khởi điểm

Tiến hành chào bán cho nhà đầu tư chiến lược trước sau đó thực hiện chào bán cho công đoàn, người lao động trong công ty và thực hiện chào bán công khai ra bên ngoài.

Giá khởi điểm chào bán: 10.000 đồng/cổ phần (là giá khởi điểm chào bán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

ĐƯỢC
PHÊ DUYỆT

3. Phương án chào bán cổ phần

3.1 Cổ phần chào bán cho công đoàn công ty

- Công đoàn Công ty không đăng ký mua cổ phần.

3.2 Cổ phần bán cho người lao động trong Trung tâm

3.2.1 Cổ phần chào bán cho người lao động trong Trung tâm theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

- Theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty Cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.
- Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần ưu đãi.
- + Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.
- Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố GTDN để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:
 - + Thời gian người lao động thực tế làm việc tại trung tâm 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước.
 - + Thời gian có hưởng lương từ nguồn trung tâm 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghĩ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).
 - + Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà trung tâm 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Nguyên tắc xác định số cổ phần người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN được mua ưu đãi.
- + Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước.
- Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của đợt chào bán cho nhà đầu tư chiến lược.
- Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN CPH là: **308** người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi **308** người. Số người không đủ điều kiện mua là **01** người (do chưa đủ 1 năm công tác tại khu vực Nhà nước và 01 người không đăng ký mua).
- Tổng số năm công tác của người lao động được mua cổ phần ưu đãi trong khu vực Nhà nước **2.211** năm.
- Số lượng cổ phần chào bán: **221.100** cổ phần, chiếm **6,19%** vốn điều lệ.
- Danh sách người lao động, năm công tác của từng người, số cổ phần từng người được mua ưu đãi (*danh sách kèm theo*).

3.2.2 Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

- Theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty Cổ phần: Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau: Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01

năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp CPH căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi CPH.

- Đại hội đại biểu người lao động đã thống nhất đề nghị (*Doanh nghiệp cần lập biên bản hội nghị người lao động*). Tiêu chí xác định người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.
- TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU có 308 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này là 190.600 cổ phần, tương ứng chiếm 5,34% vốn điều lệ (*đính kèm theo danh sách CB-CNV mua cổ phần ưu đãi và trở trình số...../TTr-CTN ngày...tháng...năm 2015 của Trung tâm Dịch vụ Đô thị Tỉnh Bạc Liêu*).
- Trường hợp chấm dứt HĐLĐ trước hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ cổ phần đã mua thêm với mức giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã mua tại thời điểm CPH.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: Bằng giá bán thành công thấp nhất của cuộc chào bán cho nhà đầu tư chiến lược.

3.4 Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT

- Số lượng cổ phần chào bán công khai: 1.337.600 cổ phần. Chiếm; 37,47% vốn điều lệ.
- Giá khởi điểm chào bán: Là mức giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện theo hình thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán (để xuất đầu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM).

4. Tổ chức bán đấu giá

Sau khi phương án CPH TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU được UBND tỉnh Bạc Liêu phê duyệt, Ban chỉ đạo CPH chỉ đạo doanh nghiệp CPH triển khai việc bán cổ phần lần đầu theo đúng trình tự quy định và theo phương án được duyệt.

4.1 Xử lý cổ phiếu không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược từ chối mua theo cam kết khi đăng ký
- Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt
- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

4.2 Phương án xử lý

- Chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức đấu giá trực tiếp giữa các nhà đầu tư hoặc thỏa thuận trực tiếp với giá bán không thấp hơn giá bán thành công thấp nhất.
- Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo CPH báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án CPH thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.



5. Các rủi ro dự kiến

5.1 Rủi ro về kinh tế

Chuyển đổi hoàn toàn về hình thức hoạt động, từ đơn vị sự nghiệp có thu với nguồn kinh phí hoạt động từ ngân sách cấp, và không phải thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước, sang loại hình Công ty cổ phần – hoàn toàn tự chủ trong tài chính và phải thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách, sẽ dẫn đến một số khó khăn và rủi ro sau:

- Phải chủ động trong việc tìm và sử dụng nguồn vốn bổ sung khi cần thiết
- Phải tự chủ tài chính và dự trù các chi phí liên quan đến nguồn vốn huy động từ bên ngoài
- Cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật môi trường,....

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

5.3 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bạc Liêu nhằm mục đích giúp công ty hoạt động ngày một độc lập và hiệu quả hơn.

Tuy nhiên trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường Chứng khoán vẫn còn đang trong giai đoạn phục hồi nên giá cổ phiếu hiện nay sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều, làm cho nhà đầu tư ít quan tâm đến các cổ phần bán lần đầu của các doanh nghiệp CPH. Do vậy việc phát hành lần này của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bạc Liêu bị ảnh hưởng

khá lớn. Giá bán phải ở mức hấp dẫn mới thu hút sự quan tâm và tham gia của các nhà đầu tư.

5.4 Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bạc Liêu.

VI. Phương án sắp xếp lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau CPH và các quy định của pháp luật về lao động cũng như chủ trương của Chính Phủ về chính sách lao động khi chuyển đổi mô hình công ty sang cổ phần, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN CPH	308
1	Lao động làm việc tuyển dụng theo biên chế Nhà nước, nhưng chưa chuyển sang kỹ HĐLĐ	16
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	
2.1	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	270
2.2	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	20
2.3	Lao động làm việc <i>thử việc, khoán</i>	02
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	308
	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	290

VII. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư:

Không có lao động dôi dư

VIII. Chiến lược và phương án kinh doanh của Công ty sau CPH

1. Chiến lược phát triển

1.1 Chiến lược chung

Tỉnh Bạc Liêu đang trên đà phát triển mạnh về mọi mặt, đặc biệt tốc độ đô thị hoá đang diễn ra ngày càng nhanh. Các khu đô thị, khu dân cư mới đang được xây dựng và hình thành, nhiều tuyến đường đang được cải tạo mở rộng hoặc làm mới. Những đổi thay này đều ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị. Trong bối cảnh đó, Công ty đóng vai trò rất quan trọng góp phần tạo nên diện mạo mới xanh – sạch – đẹp cho Thành phố.

Với mục tiêu “Sáng- xanh- sạch- đẹp” và văn minh, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ở cả hai lĩnh vực: công ích và kinh doanh.

Công ty sẽ bằng nhiều hình thức nhằm phát động tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân toàn thành phố trong việc giữ gìn vệ sinh sạch từ nhà ra phố, bảo vệ môi trường và giữ gìn mỹ quan đô thị. Công tác vệ sinh được thực hiện cụ thể ở từng tuyến đường, khu dân cư, khu vực chợ, trên địa bàn nội thị và vùng ven, kết hợp với chính quyền địa phương, phường, xã thông báo thời gian thu gom theo từng khu vực, đảm bảo tỷ lệ rác được thu gom, xử lý đạt từ 95% trở lên. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tăng cường chăm dưỡng các loại cây cổ thụ, hoa kiểng hiện có, trồng bổ sung cây kiểng trang trí để tạo bộ mặt mỹ quan cho thành phố. Riêng đối với công tác chiếu sáng công cộng, thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm điện của Chính phủ, Công ty chủ động đóng mở đèn chiếu sáng linh động theo thời tiết. Ngoài bảo trì và sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, Công ty sẽ có kế hoạch khảo sát mắc thêm đèn trang trí, đèn hoa văn phục vụ các ngày lễ tết ... song song với chủ động liên hệ tìm khách hàng để phát triển dịch vụ điện.

1.2 Khách hàng

Tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành ủy, sự phối hợp của các cấp, các ngành và sự tham gia đóng góp của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn cùng kết hợp chặt chẽ với Công ty

hướng tới một môi trường phát triển bền vững. Mở rộng địa bàn hoạt động dịch vụ công ích đến các huyện trong tỉnh.

1.3 Nguồn nhân lực

Xây dựng hệ thống quy chế quản lý nội bộ khoa học, tổ chức bộ máy nhân sự của Công ty hoạt động theo hướng tinh gọn phù hợp với từng lĩnh vực quản lý, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng vì sự phát triển công ty.

Xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên lành nghề có trình độ năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ giỏi. Cải thiện điều kiện làm việc đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 – 2020

2.1 Kế hoạch Doanh thu cho giai đoạn 2018 đến 2020

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Các năm		
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG	38.700	40.700	42.700
<i>Công tác Vệ sinh môi trường</i>	<i>19,94</i>	<i>20,96</i>	<i>21,95</i>
<i>Công tác Thoát nước</i>	<i>2,67</i>	<i>2,81</i>	<i>2,95</i>
<i>Công tác Quản lý công viên cây xanh</i>	<i>14,7</i>	<i>15,45</i>	<i>16,20</i>
<i>Quản lý vận hành HT Chiếu sáng</i>	<i>1,39</i>	<i>1,48</i>	<i>1,6</i>
DỊCH VỤ KINH DOANH	5.300	6.300	7.300
<i>Dịch vụ cho thuê mặt bằng</i>	<i>110</i>	<i>110</i>	<i>110</i>
<i>Dịch vụ rút hầm cầu</i>	<i>90</i>	<i>110</i>	<i>125</i>
<i>Dịch vụ thu phí và lệ phí</i>	<i>4.500</i>	<i>5.290</i>	<i>6.165</i>
<i>Cung ứng cây giống</i>			
<i>Dịch vụ thu gom, bốc tải, xử lý rác...vv</i>	<i>600</i>	<i>790</i>	<i>900</i>

2.2 Kế hoạch về kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 đến 2020

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Các năm		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	35.000	36.500	38.500
2	Tổng doanh thu	44.000	47.000	50.000
3	Giá vốn dịch vụ và chi phí liên quan	35.750	38.250	40.625
4	Lợi nhuận trước thuế	8.250	8.750	9.375
5	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
6	Chi phí thuế TNGN hiện hành	1.650	1.750	1.875
7	Lợi nhuận sau thuế	6.600	7.000	7.500
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	18,86%	19,18%	19,48%
9	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu			
	<i>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu</i>	18,75%	18,62%	18,75%
	<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu</i>	15,00%	14,89%	15,00%
10	Phân phối lợi nhuận	1.650	1.750	1.875
	<i>Quỹ đầu tư phát triển (5%)</i>	330	350	375
	<i>Quỹ dự phòng tài chính(5%)</i>	330	350	375
	<i>Quỹ khen thưởng – phúc lợi (15%)</i>	990	1.050	1.125
	<i>Quỹ chia cổ tức cho cổ đông (75%)</i>	4.950	5.250	5.625
11	Giá trị chia lãi cho một cổ tức/năm	1,41%	1,50%	1,61%
12	Tỷ suất chia lãi cho một cổ tức/tháng	0,12%	0,13%	0,13%

2.3 Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2018 – 2020

Nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh khi hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Công ty dự kiến sẽ trang bị bổ sung thêm xe máy chuyên dùng và một số cơ sở vật chất phục vụ mở rộng Sản xuất - Kinh doanh - Dịch vụ trong 05 năm tới từ nguồn vốn phát hành thêm cổ phiếu hoặc vay thương mại, tổng giá trị: đồng.

- Mua quỹ đất lập cửa hàng chuyên ngành, xây dựng trụ sở cơ quan.
- Mua xe ép rác: 03 xe.
- Mua xe bồn chở nước: 02 xe.
- Xe hút bùn: 01 xe.

(Các Dự án trên khi đưa vào hoạt động sẽ làm tăng giá trị tài sản, tăng nợ vay và tăng tỷ lệ góp vốn của các cổ đông lên tương ứng trong cơ cấu giá trị khi quyết toán dự án)

3. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chính

3.1 Giải pháp về tài chính

Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bạc Liêu trong giai đoạn từ 2016 - 2018 cần khoảng 800 tỷ đồng. Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển mở rộng nhà máy, Công ty huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức vay vốn, CSH vốn nhà nước sẽ góp thêm một phần vốn và vốn tự có.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đứng ra bảo lãnh cho Công ty ký Hiệp định vay ODA của chính phủ Hàn Quốc đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy cấp nước thành phố Bạc Liêu giai đoạn II lên 50.000m³/ngày đêm.

3.2 Những biện pháp kỹ thuật

Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý. Xem xét đầu tư các dự án trọng điểm.

Đưa công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài sản, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp.

TRUN
CH VL

3.3 Những biện pháp về quản lý

Để đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý có hiệu quả.

Có chính sách đãi ngộ cán bộ để thu hút cán bộ như hoàn thiện chế độ trả lương gắn với vị trí, hiệu quả công việc, có quy chế thưởng phạt công bằng, nghiêm túc.

Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt, nhằm tiếp thu tốt góp ý của khách hàng.

Xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí kinh phí cũng như nguồn tài nguyên nước.

Đảm bảo về chất lượng sản phẩm và cấp nước an toàn.

3.4 Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty

Công ty xem việc phát triển khách hàng là nhiệm vụ trọng tâm sống còn của Công ty, đây là phương châm mà các phòng ban chuyên môn, người lao động trong Công ty phải biết.

Công ty có kế hoạch điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu của khách hàng, căn cứ vào kết quả quyết định hợp lý trong việc đầu tư mở rộng mạng lưới Công ty cải tiến một số thủ tục hành chính, tăng cường làm tốt dịch vụ khách hàng.

3.5 Tăng cường công tác quản lý và đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động

Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết để tạo hiệu quả hoạt động của công ty:

Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động được thỏa mãn.

Đối với đội ngũ cán bộ quản trị, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khóa đào tạo bồi dưỡng học hỏi kinh nghiệm để nâng cao năng lực quản lý, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường nguyện vọng của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.

Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm cân bằng hợp lý thưởng phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao hay những người có những ý kiến đóng góp cho Công ty trong kinh doanh.

4. Phân tích Swot

Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, các cơ hội, các nguy cơ (SWOT).

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
Quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp nhiều năm qua, đội ngũ cán bộ công nhân viên trong Công ty cùng Ban lãnh đạo luôn gắn bó, đoàn kết vì lợi ích chung của Công ty; tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trong công tác sản xuất kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu từ phía khách hàng cả về chất lượng và khối lượng. Đến nay Công ty đã khẳng định được vị thế và tiếp tục phát triển, tạo được uy tín với khách hàng và luôn cố gắng phát triển, tìm kiếm khách hàng mới. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực công ích nên được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu quan tâm, tạo điều kiện để Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ, phấn đấu mở rộng sản xuất kinh doanh.	Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, sản phẩm hoạt động công ích của Công ty được thanh toán theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, Do vừa được chuyển đang từ hình thức là đơn vị sự nghiệp có thu, không phải nộp thuế từ khoản chênh lệch Thu chi từ hoạt động, sang Công ty phải hoàn toàn tự chủ trong tài chính và có nghĩa vụ về các loại thuế với ngân sách nhà nước. Đây là một điểm yếu của Công ty khi trở thành Công ty cổ phần, phải tự hạch toán thu chi, lãi lỗ - Ban lãnh đạo của Công ty cũng như CBCNV sẽ cần thời gian để bắt kịp sự thay đổi cơ chế quản lý.

CÁC CƠ HỘI (O)	CÁC NGUY CƠ (T)
Việc phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa sẽ ảnh hưởng nhiều tới môi trường thiên nhiên và những tác động ngược của môi trường thiên nhiên đến cuộc sống của con người sẽ rất lớn và nghiêm trọng hơn nếu chúng ta không có kế hoạch phát triển và quan tâm đúng mức đến môi trường sống. Sau một thời gian dài tập trung phát triển kinh tế ít quan tâm đến môi trường, thì hiện nay chúng ta ngày càng chú trọng đến môi trường sống, khai thác, sử dụng cùng với phát triển bền vững các nguồn tài nguyên môi trường. Tính khuyến khích và đầu tư phát triển các công việc, ngành nghề liên quan đến nhu cầu của người dân và bảo vệ môi trường thiên nhiên phù hợp với năng lực kinh tế của tỉnh nhà. Việc phát triển và duy trì các công việc liên quan đến môi trường và duy trì hoạt động các công trình công cộng sẽ giữ một vai trò quan trọng trong quá trình duy trì và phát triển nền kinh tế của Bạc Liêu nói riêng, của Việt Nam nói chung.	Khi nền kinh tế phát triển, các ngành công nghiệp cũng phát triển. Do vậy Công ty sẽ phải cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong quá trình hoạt động để đạt được mục tiêu đề ra cũng như để đạt được chỉ tiêu mà UBND tỉnh Bạc Liêu giao. Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các kỹ thuật tiên tiến sẽ được áp dụng mới vào trong quá trình xử lý nước ... Tuy hiện tại Công ty trình độ của đội ngũ CBCNV chưa cao, sự tiếp thu cũng như áp dụng kỹ thuật sẽ gặp khó khăn. Do vậy nếu không nâng cao trình độ đội ngũ CBCNV thì đây sẽ là nguy cơ của Công ty trong tương lai gần

IX. Quản lý và sử dụng số tiền thu từ CPH

1. Quản lý tiền thu từ CPH

Số tiền thu từ CPH doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí CPH. Phần còn lại và khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ. Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 thông tư 196/2011/TT-BTC

1.1 Dự toán chi phí CPH

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp CPH có GTDN trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng. Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định GTDN là: 37.452.692.990 đồng, nên tổng chi phí CPH của Công ty sẽ là 500.000.000 đồng.

Chi phí CPH của Công ty dự kiến bao gồm các khoản mục chính sau:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đồng)
1	Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	178.644.000
1.1	Kiểm kê, xác định giá trị tài sản;	3.000.000
1.2	Lập phương án CPH, xây dựng điều lệ;	20.000.000
1.3	Đại hội cán bộ, viên chức và người lao động để triển khai chuyển đổi đơn vị thành công ty cổ phần;	53.040.000
1.4	Hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin đơn vị;	16.500.000
1.5	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu;	86.104.000
2	Chi phí thuê tư vấn	235.000.000
2.1	Thuê kiểm toán Báo cáo tài chính;	60.000.000
2.2	Thuê tư vấn xác định GTDN;	100.000.000
2.3	Thuê tư vấn CPH;	75.000.000
3	Thù lao cho Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc	78.000.000
4	Chi phí khác	8.356.000
	Tổng	500.000.000

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và vốn nhà nước tại các dự án đầu tư, tỷ lệ phần vốn góp nhà nước tại công ty cổ phần, dự kiến tiền thu tạm tính theo giá định tất cả số lượng cổ phần được chào bán hết và giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu:

STT	Nội dung	Số cổ phần	Số tiền (đồng)
1	Tiền thu từ CPH (a + b + c + d + e)	1.749.300	16.608.600.000
a	Tiền thu từ chào bán công khai ra bên ngoài	1.337.600	13.376.000.000
b	Tiền thu từ chào bán cho NĐT chiến lược		
c	Tiền thu từ chào bán tru đãi cho CBCNV theo thâm niên	221.100	1.326.600.000
d	Tiền thu từ chào bán cho CBCNV theo dạng cam kết làm việc lâu dài	190.600	1.906.000.000
e	Tiền thu từ chào bán cho công đoàn công ty		
2	Số cổ phần và giá trị theo mệnh giá	1.749.300	17.493.000.000
3	Chênh lệch giữa tiền thu CPH và mệnh giá chào bán (3) = (2) - (1)		(884.400.000)
4	Chi phí CPH		500.000.000
5	Chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty cổ phần		(63.723.378)
6	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN (6) = (1) - (4) - (5)		16.172.323.378

X. Tổ chức phương án CPH được duyệt

1. Tổ chức phương án được duyệt

Sau khi phương án CPH TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU được UBND tỉnh phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần sẽ chỉ đạo triển khai các công việc sau:

1.1 Triển khai các bước bán cổ phần

- Căn cứ tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược chào mời các NĐT có đủ điều kiện đăng ký mua cổ phần.
- Căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần cho NĐT chiến lược, thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn.
- Phối hợp đơn vị tư vấn, cung cấp các tài liệu liên quan và chỉ đạo doanh nghiệp ký hợp đồng với Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM để bán đấu giá công khai cổ phần theo quy định.

1.2 Triển khai phương án sắp xếp lao động được phê duyệt

1.3 Quản lý tiền thu được từ CPH

- Mở tài khoản phong tỏa và quản lý, sử dụng tiền thu từ CPH theo đúng quy định.
- Kết thúc quá trình CPH, doanh nghiệp phải quyết toán chi phí CPH và kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư nếu có, báo cáo Ban chỉ đạo CPH trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt.
- Nộp tiền thu từ CPH theo quy định.

1.4 Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập

2. Kiến nghị

Công tác CPH TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU là thực hiện đề án tái cơ cấu Trung tâm 100% vốn nhà nước theo chủ trương của UBND tỉnh Bạc Liêu.

Kính trình Ban chỉ đạo CPH thẩm định và trình UBND tỉnh Bạc Liêu xem xét và quyết định phê duyệt phương án CPH và cho phép TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐÔ THỊ TỈNH BẠC LIÊU tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất./.

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 4 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Văn Khải